

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/HNGĐ-ST

Ngày 09/02/2021

*V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và bà Phạm Hồng Thiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Không

Ngày 09 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 11 ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Hồng T, sinh năm 1978 (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn L, sinh năm 1976 (Vắng mặt lần 2)

Điều trú tại: thôn Đ, xã H, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, tại phiên tòa chị Đinh Hồng T trình bày: Chị và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã Th (nay là xã H), huyện T1, tỉnh Thái Bình, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống và làm ăn tại địa phương. Do tính tình không hợp,

vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 chung là Phạm Mai C, sinh ngày 14/12/1999, hiện nay cháu C đã thành niên và có gia đình riêng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Phạm Văn L trình bày: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã Th. Sau khi kết hôn anh làm ăn tại địa phương, còn chị T đi làm ăn xa, do anh hay uống rượu, đôi lúc không kìm chế được bản thân nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay chị T xin ly hôn, anh muốn vợ chồng quay về với nhau để nuôi dạy con cháu, nếu chị T cương quyết xin ly hôn anh đồng ý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị T có 01 chung là Phạm Mai C, sinh ngày 14/12/1999, hiện nay cháu C đã thành niên và có gia đình riêng nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn là chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu trên, không thay đổi, bổ sung gì. Còn bị đơn là anh L đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh L vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2]. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Hồng T và anh Phạm Văn L kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn trở nên trầm trọng, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị T được ly hôn anh,

[3]. Về con chung: Chị T và anh L có 01 chung là Phạm Mai C, sinh ngày 14/12/1999, hiện nay cháu C đã thành niên và có gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị T và anh L thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Hồng T được ly hôn anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0002444 ngày 10/11/2020 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, chị Tươi đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án : Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy
- TAND tỉnh TB
- UBND xã H
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương